

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2025/DS-ST**  
Ngày: 24/01/2025  
V/v “Tranh chấp tiền lãi do  
chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Nguyễn Tường Bích

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa:** Ông Lê Minh Trọng - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia  
phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 500/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2024/QĐST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa:

\* Nguyên đơn: **Huỳnh Tấn Đ**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Định, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

\* Bị đơn: **Trần Thị Ánh N**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Định, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Tấn Đ trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số: 352/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre, về tài sản chung, ông Đ và bà N thỏa thuận: Bà Trần Thị Ánh N nhận tài sản là phần đất và ngôi nhà gắn liền với đất có diện tích 303,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 205, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp Tân Định, xã DT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, bà Trần Thị Ánh N có trách nhiệm bồi hoàn lại cho ông Huỳnh Tấn Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào ngày 30/01/2023. Tuy nhiên, đến ngày 30/01/2023, bà N đã không giao số tiền 1.000.000.000 đồng cho bên ông Đ theo đúng thỏa thuận.

Ngày 03/02/2023, Chi cục thi hành án dân sự huyện BD đã ra Quyết định thi hành án số: 505/QĐ-CCTHADS về việc bà Trần Thị Ánh N phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông Huỳnh Tấn Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) nhưng đến ngày 16/4/2024, bà N bồi hoàn cho ông Đ 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); ngày 15/5/2024, bà N bồi hoàn cho ông Đ 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Bên bà Trần Thị Ánh N đã bồi hoàn đủ số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), tuy nhiên không chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Tấn Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BD xét xử buộc bà Trần Thị Ánh N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), với lãi suất là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 15/4/2024, với thời gian tính lãi là 14 tháng 13 ngày với số tiền lãi là 119.796.000 đồng (Một trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

(Tài liệu, chứng cứ bên nguyên đơn giao nộp là Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 352/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 505/QĐ-CCTHADS ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre).

\* Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, bị đơn Trần Thị Ánh N trình bày:

Bà Trần Thị Ánh N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Tấn Đ, bởi vì bà N đã bồi hoàn cho ông Huỳnh Tấn Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) xong. Ngoài ra, tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 352/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre không có ghi nhận bên bà Trần Thị Ánh N phải có nghĩa vụ chịu trả lãi cho bên ông Đ trong trường hợp chậm thi hành án. Bên bà N phải vay ngân hàng mới đủ tiền bồi hoàn cho bên ông Đ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia

đình của bà N khó khăn nên không có khả năng thanh toán số tiền lãi cho bên ông Đ và cũng không đồng ý thanh toán số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Đ, buộc bà Trần Thị Ánh N có trách nhiệm trả ông Đ số tiền lãi của số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án 1.000.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 03/02/2023 đến ngày 15/4/2024.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết.

Tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 352/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre buộc bà Trần Thị Ánh N phải có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho ông Huỳnh Tấn Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), tuy nhiên, sau khi Chi cục Thi hành án dân sự ban hành Quyết định Thi hành án số 505/QĐ-CCTHADS ngày 03/02/2023, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Tấn Đ. Ông Đ khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án”.

Bị đơn Trần Thị N cư trú tại ấp Tân Định, xã DT, huyện BD, tỉnh Bến Tre thuộc địa giới hành chính của huyện BD, do đó Tòa án nhân dân huyện BD có thẩm quyền xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 352/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre quyết định về việc phân chia tài sản chung như sau: Ông Huỳnh Tấn Đ được nhận tài sản là một chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic, biển số 71A-038.95. Bà Trần Thị Ánh N được nhận tài sản là phần đất và 01 ngôi nhà gắn liền phần đất diện tích 303,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 205, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp Tân Định, xã DT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Bên bà Trần Thị Ánh N có nghĩa vụ bồi hoàn lại cho bên ông Huỳnh Tấn Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào ngày 30/01/2023.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, bên bà N không thanh toán cho bên ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Tấn Đ không được bảo vệ. Tại phiên tòa, hai bên đương sự Huỳnh Tấn Đ và Trần Thị Ánh N thống nhất thừa nhận thời gian thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), cụ thể như sau: Bên bà Trần Thị Ánh N bồi hoàn cho bên ông Huỳnh Tấn Đ số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 16/4/2024; bồi hoàn 600.000.000 đồng vào ngày 15/5/2024. Do đó, bên ông Đ yêu cầu thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án từ ngày 03/02/2023 (Ngày ban hành Quyết định thi hành án) đến ngày 15/4/2024 (Trước ngày trả 400.000.000 đồng một ngày) là có cơ sở, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án của số tiền 1.000.000.000 đồng được tính như sau:

$(1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 14 \text{ tháng} = 119.796.000 \text{ đồng}$   
(Một trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

[3] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Tấn Đ được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Trần Thị Ánh N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Số tiền án phí mà bị đơn Trần Thị Ánh N phải chịu là:

$(119.796.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 5.990.000 \text{ đồng}$  (Năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

*Vì các lý do trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Đ đối với bà Trần Thị Ánh N về việc “Tranh chấp tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án”

Buộc bà Trần Thị Ánh N phải hoàn trả cho ông Huỳnh Tấn Đ số tiền lãi còn thiếu do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án với số tiền là 119.796.000 đồng (Một trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Trần Thị Ánh N phải chịu án phí với số tiền là 5.990.000 đồng (Năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Tấn Đ số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp là 1.867.500 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006940 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự Huỳnh Tấn Đ, Trần Thị Ánh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Đăng Phi**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã Phú Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đăng Phi**